

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **150/2022/DS-ST**

Ngày: 05/9/2022

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Đức

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoàng Diệu;

Ông Nguyễn Tiến Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Y Lương Byă - Kiểm sát viên.

Ngày 05/9/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 251/2022/TLST-DS ngày 09/6/2022, về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 163/2022/QĐXXST-DS ngày 01/8/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 174/2022/QĐST-DS ngày 18/8/2022, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng H

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quốc C - Chủ tịch HĐQT

Địa chỉ trụ sở: Tầng 4 - Tòa nhà N đường Th, phường H, quận Gi, Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh V - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng H - Chi nhánh Đ.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Bà Đoàn Thị Th - Có mặt.

Địa chỉ: Số X đường Ph, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

*** Bị đơn:**

1. Ông Đặng Xuân T, sinh năm 1987 - Vắng mặt

HKTT: Thôn H, xã T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ liên lạc: 9B/3 khu phố Nh, phường Th, thị xã An, tỉnh Bình Dương.

2. Bà Nguyễn Thị Mến Th, sinh năm 1989 - Vắng mặt

Địa chỉ: Số nhà X thôn Y, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của đương sự, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

*** Người đại diện tham gia tố tụng theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:**

Ngày 28/07/2020 Ngân hàng H chi nhánh Đ cho ông Đặng Xuân T, bà Nguyễn Thị Mến Th vay vốn theo hợp đồng cho vay số TD08320001 với số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), thời hạn vay 60 tháng từ 28/07/2020 đến 28/07/2025, lãi suất tiền vay 13,5%/năm, số tiền gốc phải trả hàng tháng là 1.670.000đ và lãi phát sinh, hiện còn dư nợ 80.650.000đ và đến nay đã trễ hơn 9 kỳ thanh toán. Ngày 07/04/2022 Co-opbank Đắk Lắk đã có thông báo số 114/TB-CNĐL về việc chấm dứt Hợp đồng cho vay trước thời hạn với ông Đặng Xuân T và bà Nguyễn Thị Mến Th.

Đến nay (kỳ tháng 03/2022) là 20 (hai mươi) kỳ ông T, bà Th mới chỉ thanh toán được 19.350.000đ tiền nợ gốc và 12.730.000đ tiền nợ lãi.

Từ tháng 10/2021 đến nay ông Đặng Xuân T và bà Th đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, đã vi phạm các cam kết trong Hợp đồng cho vay đã ký kết. Mặc dù cán bộ Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở nhưng ông Đặng Xuân T, bà Th vẫn không trả nợ. Khoản vay của ông/bà đã bị chuyển sang quá hạn, tổng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 19/4/2022 là 88.655.000 đồng, trong đó nợ gốc là 80.650.000 đồng, nợ lãi là 8.005.000 đồng, và lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký.

Vì vậy, Ngân hàng H yêu cầu tòa án giải quyết: Buộc ông Đặng Xuân T và bà Nguyễn Thị Mến Th trả cho Ngân hàng H số tiền tạm tính đến ngày 19/4/2022 là 88.655.000 đồng (*Tám mươi tám triệu, sáu trăm năm mươi lăm ngàn đồng*), trong đó nợ gốc là 80.650.000 đồng, nợ lãi là 8.005.000 đồng và lãi suất phát sinh theo Hợp đồng cho vay số TD08320001 ngày 28/07/2020 đã ký từ ngày 20/4/2022 cho đến khi trả hết nợ.

*** Bị đơn - Ông Đặng Xuân T và bà Nguyễn Thị Mến Th:**

Tại biên bản hòa giải **08/7/2022**, ông T và bà Th trình bày: Ngày 28/07/2020 chúng tôi có vay Ngân hàng H theo hợp đồng cho vay số TD08320001 với số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), thời hạn vay 60 tháng từ 28/07/2020 đến 28/07/2025, lãi suất tiền vay 13,5%/năm, số tiền gốc phải trả hàng tháng là 1.670.000đ và lãi phát sinh, và đến nay đã trễ hơn 9 kỳ thanh toán.

Chúng tôi xác nhận còn nợ Ngân hàng H số tiền tạm tính đến ngày 19/4/2022 là 88.655.000 đồng, trong đó nợ gốc là 80.650.000 đồng, nợ lãi là 8.005.000 đồng và lãi suất phát sinh theo Hợp đồng cho vay số TD08320001 ngày 28/07/2020 đã ký giữa hai bên như Ngân hàng trình bày là đúng. Do

gặp khó khăn về tài chính nên chúng tôi chưa trả nợ đúng cam kết trong hợp đồng cho Ngân hàng.

Nay ngân hàng H khởi kiện yêu cầu chúng tôi thanh toán số nợ trên thì chúng tôi đồng ý, thời hạn trả nợ: chậm nhất vào ngày 18/8/2022 trả một lần dứt điểm toàn bộ số nợ cho Ngân hàng.

Tuy nhiên đến ngày 11/7/2022, tại đơn xin thay đổi nội dung biên bản hòa giải, bà Th trình bày: Tại giấy thỏa thuận ngày 02/7/2021 (**trước khi ly hôn ngày 27/10/2021**), ông T xác định sẽ tự chịu trách nhiệm trả nợ, không liên quan tới bà Th; Khi vay lương thì ngân hàng có hình thức trả qua lương của ông T. Do đó đề nghị Tòa án xét xử nợ giữa ông T và Ngân hàng và không liên quan đến bà Th.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu như sau:

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng H; **Buộc ông Đặng Xuân T** trả cho Ngân hàng H số tiền tạm tính đến ngày 19/4/2022 là 88.655.000 đồng, trong đó nợ gốc là 80.650.000 đồng, nợ lãi là 8.005.000 đồng; Và lãi suất phát sinh theo Hợp đồng cho vay số TD08320001 ngày 28/07/2020 từ ngày 20/4/2022 cho đến khi trả hết nợ;

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH

[1]. **Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:** Căn cứ nội dung khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ hồ sơ vụ án thì quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] **Về thủ tục tố tụng:** Tại phiên tòa xét xử vụ án, bị đơn - ông T, bà Th vắng mặt; Do đó căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX giải quyết vắng mặt bị đơn - ông T, bà Th.

[3] **Về nội dung:**

[3.1] *Về hợp đồng tín dụng:*

Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, lời trình bày của các đương sự; Căn cứ hợp đồng cho vay, giấy nhận nợ và hồ sơ vụ án thể hiện: Ngày 28/07/2020 Ngân hàng H cho ông Đặng Xuân T và bà Nguyễn Thị Mến Th vay vốn theo hợp đồng cho vay số TD08320001 với số tiền 100.000.000đ, thời hạn vay 60 tháng từ 28/07/2020 đến 28/07/2025, lãi suất tiền vay 13,5%/năm, số tiền gốc phải trả hàng tháng là 1.670.000đ và lãi phát sinh, **mục đích sử dụng tiền vay để tiêu dùng gia đình; Hợp đồng cho vay, giấy nhận nợ, phương án sử dụng**

vốn vay và cam kết trả nợ... đều có chữ ký của cả ông Đặng Xuân T và bà Nguyễn Thị Mến Th. Xét quan hệ pháp luật dân sự giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 91 Luật tổ chức tín dụng. Vì vậy quyền và nghĩa vụ của các bên được pháp luật bảo vệ.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng thì từ tháng 10/2021 đến nay ông Đặng Xuân T và bà Nguyễn Thị Mến Th đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ; Tính đến kỳ trả nợ tháng 03/2022 là 20 kỳ thì ông T bà Th mới chỉ thanh toán được 19.350.000đ tiền nợ gốc và 12.730.000đ tiền nợ lãi và đã trễ hơn 9 kỳ thanh toán. Ngày 07/04/2022 Co-opbank Đắk Lắk đã có thông báo số 114/TB-CNĐL về việc chấm dứt Hợp đồng cho vay trước thời hạn với ông T bà Th. Khoản vay của ông Đặng Xuân T và bà Nguyễn Thị Mến Th đã bị chuyển sang quá hạn, tổng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 19/4/2022 là 88.655.000 đồng, trong đó nợ gốc là 80.650.000 đồng, nợ lãi là 8.005.000 đồng. HĐXX xét thấy việc bị đơn đã không thực hiện việc trả nợ đúng kỳ hạn như cam kết cho Ngân hàng là vi phạm hợp đồng tín dụng, vi phạm Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Từ những nhận định trên, HĐXX xét thấy: Việc nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ, phù hợp và đúng quy định của pháp luật nên cần chấp nhận; Cần buộc bị đơn - ông Đặng Xuân T và bà Nguyễn Thị Mến Th trả cho Ngân hàng H số tiền tạm tính đến ngày 19/4/2022 là 88.655.000 đồng, trong đó nợ gốc là 80.650.000 đồng, nợ lãi là 8.005.000 đồng và lãi suất phát sinh theo Hợp đồng cho vay số TD08320001 ngày 28/07/2020 đã ký từ ngày 20/4/2022 cho đến khi trả hết nợ.

[3.2] Về nghĩa vụ trả nợ:

HĐXX xét thấy khoản vay theo Hợp đồng cho vay số TD08320001 ngày 28/07/2020 có mục đích sử dụng tiền vay để tiêu dùng gia đình; Hợp đồng cho vay, giấy nhận nợ, phương án sử dụng vốn vay và cam kết trả nợ... đều có chữ ký của cả ông Đặng Xuân T và bà Nguyễn Thị Mến Th. Đến ngày 27/10/2021, ông T và bà Th giải quyết ly hôn tại Tòa án nhưng không yêu cầu giải quyết về nợ chung. Do đó khoản nợ ông T và bà Th vẫn có nghĩa vụ chung với khoản nợ nói trên và phải liên đới trả nợ cho ngân hàng.

Đối với ý kiến của bà Th cho rằng: *Tại giấy thỏa thuận ngày 02/7/2021, ông T xác định sẽ tự chịu trách nhiệm trả, không liên quan tới bà Th; Khi vay lương thì ngân hàng có hình thức trả qua lương của ông T. Do đó đề nghị Tòa án xét xử nợ giữa ông T và Ngân hàng và không liên quan đến bà Th.* HĐXX xét thấy giấy thỏa thuận ngày 02/7/2021 của ông T với bà Th không được sự đồng ý, xác nhận của bên cho vay là Ngân hàng H, không có biên bản làm việc ba bên giữa Ngân hàng - ông T - bà Th; Quá trình giải quyết vụ án, phía nguyên đơn Ngân hàng H không đồng ý với ý kiến của bà Th và tiếp tục yêu cầu ông T cùng bà Th liên đới trả nợ khoản nợ nói trên. Do đó ý kiến của bà Th không có cơ sở để xem xét, chấp nhận.

Từ những nhận định nêu trên, HĐXX xét thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng H là có cơ sở, đúng quy định pháp luật nên cần chấp nhận; Buộc ông

Đặng Xuân T và bà Nguyễn Thị Mến Th liên đới trả cho Ngân hàng H số tiền tạm tính đến ngày 19/4/2022 là 88.655.000 đồng, trong đó nợ gốc là 80.650.000 đồng, nợ lãi là 8.005.000 đồng (Chia theo phần: ông Đặng Xuân T và bà Nguyễn Thị Mến Th mỗi người phải trả cho Ngân hàng H số tiền tạm tính đến ngày 19/4/2022 là 44.327.500 đồng, trong đó nợ gốc là 40.325.000 đồng, nợ lãi là 4.002.500 đồng); Và lãi suất phát sinh theo Hợp đồng cho vay số TD08320001 ngày 28/07/2020 từ ngày 20/4/2022 cho đến khi trả hết nợ.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp; Bị đơn - ông T, bà Th, mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, cụ thể:

$44.327.500 \text{ đồng} \times 5\% = 2.216.000 \text{ đồng}$ (đã làm tròn).

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Áp dụng Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng H;

Buộc ông Đặng Xuân T và bà Nguyễn Thị Mến Th có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng H số tiền tạm tính đến ngày 19/4/2022 là 88.655.000 đồng, gồm nợ gốc là 80.650.000 đồng, nợ lãi là 8.005.000 đồng; Trong đó chia theo phần:

- Ông Đặng Xuân T phải trả cho Ngân hàng H số tiền tạm tính đến ngày 19/4/2022 là 44.327.500 đồng, trong đó nợ gốc là 40.325.000 đồng, nợ lãi là 4.002.500 đồng; Và lãi suất phát sinh theo Hợp đồng cho vay số TD08320001 ngày 28/07/2020 từ ngày 20/4/2022 cho đến khi trả hết nợ.

- Bà Nguyễn Thị Mến Th phải trả cho Ngân hàng H số tiền tạm tính đến ngày 19/4/2022 là 44.327.500 đồng, trong đó nợ gốc là 40.325.000 đồng, nợ lãi là 4.002.500 đồng; Và lãi suất phát sinh theo Hợp đồng cho vay số TD08320001 ngày 28/07/2020 từ ngày 20/4/2022 cho đến khi trả hết nợ.

2. Về án phí:

- Ngân hàng Ngân hàng H được nhận lại số tiền 2.216.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2021/0012991 ngày 26/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Ông Đặng Xuân T phải nộp 2.216.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị Mến Th phải nộp 2.216.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

** Về quyền kháng cáo:* Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật THADS thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. BMT;
- Chi cục THADS TP.BMT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký, đóng dấu)

Vũ Văn Đức

